

Bản án số: 58/2018/HS-ST
Ngày: 11/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Khắc nghĩa.

Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2018/HSST ngày 02/8/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HS ngày 30/8/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên Phạm Văn H, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn 5, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị Q; Vợ, con: Chưa có; Có 02 tiền án: Tại bản án số 45 ngày 16/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt Phạm Văn H 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, án phí sơ thẩm hình sự 200.000 đồng H đã thi hành xong án phí ngày 01/9/2011 và thi hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2016; Tại bản án số 111 ngày 30/9/2011, của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt Phạm Văn H 36 tháng tù về tội “Chiếm đoạt mua bán trái phép vật liệu nổ” tổng hợp hình phạt của bản án số 45 ngày 16/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo 30 tháng tù. Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm 06 tháng tù, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Phạm Văn H đã thi hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2016 và án phí ngày 30/09/2011;

Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam kể từ ngày 21/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Vợ chồng anh Quách Văn T, sinh năm 1980; chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Anh Đặng Xuân N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trương Ngọc Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Anh Đinh Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 10, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người làm chứng:

- Chị Bùi Thị P (Vắng mặt).

- Anh Hà Mạnh D (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ ngày 11/5/2018 đến ngày 20/5/2018, Phạm Văn H đã lợi dụng sơ hở của người dân trên địa bàn xã T, huyện N, H đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Buổi sáng ngày 11/5/2018, Phạm Văn H điều khiển xe đạp thống nhất màu xanh đội mũ cối màu xanh từ nhà đi lên xã T, huyện N mục đích tìm sơ hở các nhà dân để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày H đi qua nhà anh Nguyễn Quang T ở thôn T, xã T quan sát thấy nhà anh T cửa mở không có người ở nhà xung quanh vắng người qua lại H liền dựng xe đạp ở

trước cổng nhà anh T, bỏ mũ cối vào giỏ xe đạp sau đó đi bộ lén lút đột nhập vào trong nhà anh T thì phát hiện tại gian phòng khách để một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda màu nâu biển kiểm soát 90F1- 9428 chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Phạm Văn H dắt chiếc xe mô tô ra khỏi nhà và lên xe nổ máy điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda biển kiểm soát 90F1- 9428 đi đến cầu Nho Quan thì dừng lại dùng tay tháo chiếc biển kiểm soát 90F1- 9428 vứt xuống sông Hoàng Long sau đó điều khiển xe mô tô đến cửa hàng sửa xe máy của anh Trương Ngọc Đ ở thôn 2, xã L, huyện N bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda màu nâu cho anh Đ với giá 900.000 đồng, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda, sơn màu nâu, số máy Y0173388, số khung 85812, xe đã qua sử dụng có giá trị là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sáng 15/5/2018, Phạm Văn H đi bộ từ nhà đến địa phận xã T, huyện N để nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ cùng ngày H đi qua nhà ông Đoàn Văn T, ở thôn L, xã T quan sát thấy thấy cửa cổng nhà ông T không khóa chỉ khép hờ, xung quanh vắng người qua lại H lén lút mở cổng đi vào trong sân nhà ông T phát hiện nhà ông T không có ai ở nhà, H nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM ANGEL màu đỏ bạc biển kiểm soát 35N1-01229 để tại khu vực sân chia khóa vẫn cắm tại ổ khóa, H đã đi đến chiếc xe mô tô lên xe nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô đến quán sửa xe máy của anh Trương Ngọc Đ ở thôn 2, xã L, huyện N thấy anh Đ đang làm việc không để ý H đã lấy cả lê tại cửa hàng tháo biển kiểm soát 35N1-01229 của xe mô tô nhãn hiệu SYM ANGEL màu đỏ bạc sau đó cầm theo chiếc biển kiểm soát 35N1-01229 và điều khiển xe mô tô đến Cầu Nho Quan vứt chiếc biển kiểm soát 35N1-01229 xuống sông Hoàng Long. Sau đó H tiếp tục điều khiển xe mô tô đến cửa hàng sửa chữa xe máy “Mạnh Dũng” của anh Hà Mạnh D ở thôn 10, xã G, huyện N để bán cho anh D nhưng anh D không mua anh D đã giới thiệu người mua là chị Phạm Thị T, ở thôn 10, xã G, huyện N mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ANGEL màu đỏ bạc với giá 1.500.000 đồng. Sau khi mua xong chiếc xe mô tô chị T đã nhờ anh D chụp lại ảnh của H vào máy điện thoại của D. Số tiền bán xe mô tô H đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô SYM ANGEL màu đỏ bạc, số máy 049785, số khung 049785, xe đã qua sử dụng có giá trị là 6.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sáng 17/5/2018, Phạm Văn H đi xe đạp mini màu bạc từ nhà đến khu vực xã T, huyện N để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày H đi qua nhà anh Quách Văn T, ở thôn Đ, xã T. H quan sát thấy trong sân nhà anh T có dựng 01 xe mô tô Honda Wave ALPHA màu đen bạc biển kiểm soát 35H4-0099, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, cổng nhà anh T không đóng, xung quanh vắng người. Phạm Văn H dựng xe đạp ở trước cổng nhà anh T rồi lén lút bí mật đột nhập vào trong sân nhà anh T, thấy không có ai ở nhà H đã đi đến chiếc xe mô tô Honda Wave ALPHA màu đen bạc biển kiểm soát 35H4-0099 và lên xe mô tô nổ máy điều khiển đi đến quán sửa xe máy của anh Trương Ngọc Đ ở thôn 2, xã L, huyện N mượn cớ lê tháo chiếc biển kiểm soát 35H4-0099 vớt tại khoảng đất trống gần quán sửa xe máy của anh Đ sau đó H tiếp tục điều khiển xe mô tô đến thôn A, xã G bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ALPHA màu đen bạc cho anh Đinh Văn T ở thôn A, xã G, huyện N với giá 2.000.000 đồng, H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ALPHA, sơn màu đen bạc, số máy 1113402, số khung 113360, xe đã qua sử dụng có giá trị là 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Sáng ngày 20/5/2018, Phạm Văn H đi xe đạp mini màu trắng trong giỏ xe có 01 vỏ chai nước màu xanh từ nhà đến địa phận xã T mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày Phạm Văn H đi qua nhà anh Đặng Xuân N, ở thôn N, xã T, H quan sát thấy tại sân trước cửa nhà anh N có dựng 01 chiếc xe nhãn hiệu Promoto màu đen xám biển kiểm soát 29Y5- 6865, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, cổng nhà anh N không đóng, xung quanh vắng người qua lại. H dựng chiếc xe đạp mini màu trắng ở trước cổng nhà anh N và lén lút bí mật đột nhập vào khu vực sân nhà anh Đặng Xuân N, đi đến chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29Y5- 6865 lên xe nổ máy điều khiển xe mô tô đến quán sửa xe của anh Trương Ngọc Đ ở thôn 2, xã L, huyện N mượn cớ lê tháo biển kiểm soát 29Y5- 6865 vớt tại quán sửa xe. Sau đó H điều khiển chiếc xe nhãn hiệu Promoto màu đen xám đến khu vực ngã ba Chạ thuộc địa phận xã Gia Tường để tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 07 giờ 50 phút cùng ngày anh Đặng Xuân N về nhà phát hiện bị mất chiếc xe nhãn hiệu Promoto màu đen xám biển kiểm soát 29Y5- 6865 đã trình báo Công an xã T, Công an xã T đến giải quyết. Công an huyện N thành lập tổ công tác cùng với anh Đặng Xuân N tổ chức truy tìm đối tượng trộm cắp. Khi anh N và tổ công tác đến khu vực thôn 2, xã L, huyện N thì phát hiện Phạm Văn H đang ngồi trên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Promoto màu đen xám không có biển kiểm soát và có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành

chính. H đã khai nhận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Promoto màu đen xám vừa trộm cắp của gia đình anh Đặng Xuân N. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản thu giữ chiếc xe mô và áp giải H về trụ sở công an huyện N giải quyết. Tổ công tác đã thu giữ 01 biên kiểm soát 29Y5-6865 tại quán sửa xe của anh Trương Ngọc Đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Promoto sơn màu đen xám, số máy 004335, số khung 004335, xe đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên; Kiểm sát viên, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSNQ-HS ngày 02/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo tù 27 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 21/5/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo:

- Trả lại cho anh Trương Ngọc Đ 900.000 đồng.
- Trả lại cho chị Phạm Thị T 1.500.000 đồng.
- Trả lại cho anh Đinh Văn T 2.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang T, anh Đoàn Văn T, vợ chồng anh Quách Văn T, chị Hoàng Thị Đ, anh Đặng Xuân N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào vì đã nhận lại được tài sản bị cáo chiếm đoạt; ông Phạm Văn H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào sau khi nhận lại tài sản đã cho bị cáo mượn.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan đã truy tố cụ thể như sau: Bị cáo là người nghiện ma túy, để có tiền sử dụng ma túy và ăn tiêu cho bản thân nên trong thời gian từ ngày 11/5/2018 đến ngày 20/5/2018, bị cáo Phạm Văn H lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân trên địa bàn xã T, huyện N đã 04 lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/5/2018 bị cáo quan sát thấy nhà anh Nguyễn Quang T ở thôn T, xã T cửa mở không có người ở nhà xung quanh vắng người qua bị cáo đã lén lút đột nhập vào trong nhà anh T chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda màu nâu biển kiểm soát 90F1-9428 sau đó tháo biển kiểm soát và bán cho anh Trương Ngọc Đ ở thôn 2, xã L, huyện N với giá 900.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 15/5/2018 bị cáo đi qua nhà ông Đoàn Văn T, ở thôn L, xã T quan sát thấy cửa cổng nhà ông T không khóa chỉ khép hờ, xung quanh vắng người qua lại bị cáo lén lút mở cổng đi vào trong sân chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM ANGEL màu đỏ bạc biển kiểm soát 35N1-01229 sau đó tháo biển kiểm soát và bán cho chị Phạm Thị T, ở thôn 10, xã G, huyện N với giá 1.500.000 đồng.

+ Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ 40 phút 17/5/2018, bị cáo đi qua nhà anh Quách Văn T ở thôn Đ, xã T. Bị cáo quan sát thấy cổng nhà anh T không đóng, xung quanh vắng người bị cáo lén lút bí mật đột nhập vào nhà chiếm đoạt 01 xe mô tô Honda Wave ALPHA màu đen bạc biển kiểm soát 35H4-0099, sau đó tháo biển số và bán cho anh Đinh Văn T ở thôn A, xã G, huyện N với giá 2.000.000 đồng.

+ Lần thứ tư: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/5/2018, bị cáo quan sát thấy nhà anh Đặng Xuân N, ở thôn N, xã T cổng nhà không đóng, xung quanh vắng

người qua lại nên bị cáo lén lút bí mật đột nhập vào khu vực sân trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Promoto biển kiểm soát 29Y5- 6865, sau đó tháo biển kiểm soát và điều khiển xe đến khu vực ngã ba Chạ thuộc địa phận xã Gia Tường để tìm nơi tiêu thụ, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện.

Với thủ đoạn nêu trên bị cáo đã chiếm đoạt được tổng giá trị tài sản là 21.500.000 đồng của anh Nguyễn Quang T, anh Đoàn Văn T, vợ chồng anh Quách Văn T, chị Hoàng Thị Đ và anh Đặng Xuân N.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản lấy lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng; Các bản kết luận định giá số 15, 16, 17 và 18 ngày 21/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N và các chứng cứ, tài liệu có liên quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở pháp lý khẳng định bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản nên lén lút, bí mật chiếm đoạt 04 xe mô tô của anh Nguyễn Quang T, anh Đoàn Văn T, vợ chồng anh Quách Văn T, chị Hoàng Thị Đ và anh Đặng Xuân N. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 21.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì “ *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.....*”. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Phạm Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi này đã gây nên sự bất an cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lòng tham muốn có tiền một cách bất chính bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là ban ngày, tại khu vực đông dân cư sinh sống điều này thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, coi thường pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài

sản và mỗi lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, ngày 16/01/2011 bị cáo có hành vi mua ma túy ở thành phố Phủ Lý nên ngày 16/3/2011 Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên trước đó ngày 05/01/2011 bị cáo H thực hiện hành vi “*Chiếm đoạt mua bán trái phép vật liệu nổ*” nên ngày 30/9/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù về tội này và tổng hợp 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Ngày 16/7/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án và các quyết định khác của bản án. Do vậy, tính đến 11/5/2018 ngày bị cáo phạm tội mới bị cáo chưa được xóa án tích. Mặc dù bị cáo có 02 tiền án nhưng không thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” mà thuộc trường hợp “*Tái phạm*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, mới có tác dụng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung và để giúp bị cáo tự cải tạo, rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này có anh Trương Ngọc Đ, chị Phạm Thị T, anh Đinh Văn T là những người đã mua xe mô tô do Phạm Văn H trộm cắp mà có, anh Hà Mạnh D là người đã giới thiệu người mua xe mô tô do H trộm cắp mà có, ông Phạm Văn H là người đã cho H mượn 03 chiếc xe đạp để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra đã xác định anh Đ, anh T, chị T và anh D không biết việc Phạm Văn H trộm xe mô tô đem bán, ông H không biết H mượn xe đạp của mình để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên anh Đ, anh T, chị T, anh D và ông H không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Well Sinno Hongda, sơn màu nâu, không có biển kiểm soát, số máy HD1P53FHY0173388, số khung ZFY08A85812 xác định là tài sản của anh Nguyễn Quang T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM ANGEL màu đỏ bạc, không có biển kiểm soát, số máy VMVDABH049785, số khung RLHC11HHBH049785 xác

định là tài sản hợp pháp của ông Đoàn Văn T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ALPHA màu đen bạc, biển kiểm soát 35H4 -0099 xác định là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng anh Quách Văn T và chị Hoàng Thị Đ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T, chị Đ là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Promoto sơn màu đen xám, biển kiểm soát 29Y5-6865 xác định là tài sản hợp pháp của anh Đặng Xuân N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N là phù hợp.

Đối với 01 xe đạp thống nhất màu xanh, 01 xe đạp mini màu trắng, 01 xe đạp mini màu bạc, 01 mũ cối màu xanh và 01 vỏ chai nước màu xanh đã xác định là tài sản của ông Phạm Văn H, trú tại thôn 5, xã P, huyện N (bố đẻ Phạm Văn H), ông H cho H mượn nhưng không biết Phạm Văn H sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trương Ngọc Đ đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải trả lại số tiền 900.000 đồng anh Đ đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well Sinno Hongda màu nâu biển kiểm soát 90F1- 9428; chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng chị T bỏ ra để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sym angel màu đỏ bạc biển kiểm soát 35N1-01229 và anh Đinh Văn T đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000 đồng anh T bỏ ra để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen bạc biển kiểm soát 35H4-0099. Anh Đ, chị T và anh T không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên đã mua. Tại phiên tòa bị cáo không phản đối yêu cầu của anh Đ, chị T và anh T. Do vậy, căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chị T và anh T là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang T, anh Đoàn Văn T, vợ chồng anh Quách Văn T và chị Hoàng Thị Đ và anh Đặng Xuân N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào vì đã nhận lại được tài sản bị cáo đã chiếm đoạt; Ông Phạm Văn H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào sau khi nhận lại tài sản đã cho bị cáo mượn.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Điều 51; Điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Văn H 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 21/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo:

- Trả lại cho anh Trương Ngọc Đ 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).
- Trả lại cho chị Phạm Thị T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Trả lại cho anh Đinh Văn T 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Quang T, anh Đoàn Văn T, vợ chồng anh Quách Văn T và chị Hoàng Thị Đ và anh Đặng Xuân N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào vì đã nhận lại được tài sản bị cáo đã chiếm đoạt; Ông Phạm Văn H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào sau khi nhận lại tài sản đã cho bị cáo mượn.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- CA huyện NQ;
- Những người TGTT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ